TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2017
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiến Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: *không tham gia*

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Kim A** – sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện I, tỉnh J.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Kim A trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn B do mai mối rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện I, tỉnh J ngày 11 tháng 02 năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ chồng tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh J được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan

điểm không thể hòa hợp được nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 11 tháng 10 năm 2004 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- *Con chung:* Trong đời sống chung vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thiện N – sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004, hiện cháu N đang sống với chị Kim A. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thiện N – sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B:***

Anh Nguyễn Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp G, xã H, huyện I, tỉnh J nhưng hiện anh B không có mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh B cố tình không hợp tác vì hiện nay gia đình cha mẹ anh B còn ở địa phương.

**** Tại bảng khai ý kiến ngày 31 tháng 5 năm 2017 cháu Nguyễn Thiện N – sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 trình bày:*** khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2017; giấy chứng minh nhân dân bản sao; sổ hộ khẩu bản sao; giấy chứng nhận kết hôn; đơn xin xác nhận đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn Nguyễn Văn B; giấy khai sinh bản sao; bảng khai ý kiến của cháu Nguyễn Thiện N.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh B không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Nguyễn Văn B cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Kim A và anh Nguyễn Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do mai mối có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện I, tỉnh J ngày 11 tháng 02 năm 2004. Theo lời trình bày của chị Kim A thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Kim A yêu cầu ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: tại phiên tòa chị Trần Kim A yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thiện N – sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004, chị Kim A không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Kim A nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim A.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện N – sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 cho chị Kim A nuôi dưỡng. Chị Trần Kim A không yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Trần Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Kim A nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0007959 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của A cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui